TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HS-ST.
Ngày: 30-5-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Ánh Sáng, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành liên đoàn lao động huyện Long Thành.

+ Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, nguyên Phó Bí thư huyện đoàn – Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ Huyện Long Thành.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Linh Phương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người đại diện hợp pháp cho bị cáo người bào chữa cho bị cáo vị thành niên, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan; Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai gồm: Bị cáo, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự thụ lý số: 94/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P, tên gọi khác: Không có. Giới tính: Nam; Sinh năm 2004, tại: Campuchia (năm sinh và nơi sinh căn cứ lời khai của mẹ ruột P là bà Nguyễn Thị H tại bản án hình sự số 07/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện LT), Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng (lang thang); Quốc tịch: Không xác định; Dân tộc: Không xác định; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề N trước khi phạm tội: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Họ và tên cha: Không xác định; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H sinh năm 1970 (hiện không rõ tung tích); Gia đình bị cáo

có 07 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất (căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị H mẹ bị cáo tại bản án hình sự số 07/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành), Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 28/02/2023 (do khi phạm tội, bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự không xác định là tiền án); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/3/2023 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành. (bị cáo có mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Đỗ Kiều T – Phó Bí thư huyện Đoàn huyện Long Thành.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị HT, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đồng Nai (vắng mặt), có gửi bài bào chữa cho bị cáo.

- Bị hại: Ông Phạm Công L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã TH, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Trung N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P không có nghề N và không có nơi cư trú ổn định. Vào khoảng 22 giờ, ngày 06/3/2023, P đi bộ từ ấp 2, xã TH đến ấp 5, xã TH, huyện LT. Khi đi ngang qua nhà của anh Phạm Công L, sinh năm 1984, ngụ: ấp 5, xã TH, huyện LT. P quan sát thấy cửa phía sau nhà mở, bên trong nhà có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honđa Air Blade, màu đen, biển số 60C2-147.50 (do anh L là chủ sở hữu) chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa xe, không có người trông coi. Thấy vậy, P nảy sinh ý định đi vào đẩy xe mô tô trên ra ngoài, nổ máy xe điều khiển chạy về hướng khu tái định cư TH thì dừng lại, P kiểm tra bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60C2-147.50, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Phạm Công L. P vứt bỏ số giấy tờ trên đường, chỉ giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe. Đến sáng ngày 07/3/2023, P điều khiển xe đến bán cho ông Phạm Trung N, sinh năm: 1986, ngụ tại ấp 2, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Khi bán xe, P nói xe của P và kèm giấy đăng ký xe, anh N không biết tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 6.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, P dùng số tiền trên để tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô biển số 60C2-147.50 (đã qua sử dụng) trị giá 5.500.000 đồng.

- Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 60C2-147.50 bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại xong.

- Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Phạm Công L, P đã vứt bỏ, không thu hồi được, bị hại không yêu cầu bồi thường.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Công L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với Phạm Trung N không yêu cầu P trả lại tiền mua bán xe 6.000.000 đồng.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSLT ngày 28/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội "Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù giam.

- Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử đã làm rõ tại phiên Tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, thống nhất với bản cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự chăm sóc của gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên Tòa bị cáo không phát biểu tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên và lời khai của bị cáo, bị hại và người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đều vắng mặt, xét lời khai của họ đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bán xe 6.000.000 đồng. Nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo vắng mặt và có gửi bài bào chữa cho bị cáo, tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa nên căn cứ khoản 2 điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan và các tài liệu đã thu thập được tại hồ sơ vụ án. Thể hiện: Nguyễn Văn P không có nghề N và không có nơi cư trú ổn định, vì để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Công L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honđa Air Blade, màu đen, biển số 60C2-147.50 (do anh L là chủ sở hữu) bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60C2-147.50, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Phạm Công L. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo bản kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự có trị giá 5.500.000 đồng.Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo mặc dù ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên nhưng bị cáo nhận thức được việc xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn công cộng là vi phạm pháp luật, nhưng vì thiếu sự giáo dục của gia đình, để có tiền tiêu xài cá nhân, nên khi có điều kiện là bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm tiếp tục giáo dục bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi (theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0595/ĐT/2022 ngày 06/6/2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Nai kết luận: độ tuổi của Nguyễn Văn P là 17 tuổi (+ - 06 tháng) kể từ ngày giám định 03/6/2022), nên tính theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo tính đến ngày bị cáo thực hiện phạm tội (ngày 06/3/2023) thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Mặt khác bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, không có nơi ở ổn định, không có người thân (hiện sống lang thang), từ nhỏ thiếu sự giáo dục của gia đình nên Hội đồng xét xử có xem xét và áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai trái nên đã tự nguyện đầu thú nên thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cân nhắc mức hình phạt tương xứng khi lượng hình.

[5] Đối với anh Phạm Trung N có hành vi mua xe mô tô biển số 60C2-147.50 do bị cáo bán nhưng anh N không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố, xử lý là phù hợp quy định pháp luật nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Đối với số tiền 6.000.000 đồng anh N mua xe mô tô biển số 60C2-147.50 do bị cáo bán, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, anh N không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên không xem xét.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hai, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 12 tháng 3 năm 2023). Tiếp tục giam giữ bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

3. Đối với số tiền 6.000.000 đồng anh N mua xe mô tô biển số 60C2-147.50 do bị cáo bán, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, anh N không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên không xem xét.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (3);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (3);
- Người có QL&NVLQ (2);
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà